

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 923/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10/9/2020

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quý;
2. Ông Huỳnh Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 531/2020/TLST- HNGĐ ngày 17/6/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 282/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 171/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thụy Bảo K, sinh năm: 1984

Địa chỉ thường trú: 146/8/8 đường R, Phường T, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ tạm trú: 36/44/1/5/12 Đường S, khu phố 6, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Ngô Đức T, sinh năm: 1982

Địa chỉ thường trú: 280/70/52 đường R, Phường E, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 40/12 đường T, khu phố 2, phường P, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(đương sự bà Nguyễn Thụy Bảo K và ông Ngô Đức T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nguyên đơn Bà Nguyễn Thụy Bảo K trình bày: Bà K và ông Ngô Đức T tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2003, do hai bên tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 158, quyển số 01 ngày 22 tháng 12 năm 2003. Cuộc sống sau khi kết hôn hạnh phúc, đến khoảng thời gian hai, ba năm nay thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là ông Ngô Đức T không chung thủy, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài, làm cho bà K mất lòng tin, dẫn đến hai bên thường xuyên cãi nhau, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Từ tháng 01 năm 2019 đến nay, bà K dẫn theo con chung tên Ngô Đức H về nhà mẹ ruột ở, và hai bên đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi bà K chủ động sống ly thân, dẫn con về nhà mẹ ruột ở cho đến nay, ông T chưa một lần đến thăm con và gặp mặt bà K để nói chuyện, hòa giải mâu thuẫn giữa hai bên, không ai quan tâm chia sẻ cho nhau những gì còn mâu thuẫn. Bà K xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Ngô Đức T để ổn định cuộc sống. Giữa bà K và ông Ngô Đức T có 01 người con chung tên Ngô Đức H, sinh ngày 17/8/2005, hiện tại đang do bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà K yêu cầu sau khi ly hôn được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Ngô Đức T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung bà K xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

(2) Đối với bị đơn ông Ngô Đức T vắng mặt không có lý do khi được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất. Tuy nhiên vào ngày 21/8/2020, ông Ngô Đức T đến trụ sở Tòa án tự khai đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, xác nhận có một con chung tên Ngô Đức H, sinh ngày 17/8/2005 đồng ý giao cho bà K tiếp tục nuôi dưỡng, ông T không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung ông T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Ngô Đức T đề nghị được xét xử vắng mặt.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thụy Bảo K, bị đơn ông Ngô Đức T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Hai bên đương sự đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã được phía bị đơn đồng ý, nên có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thụy Bảo K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Ngô Đức T là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Ngô Đức T đang cư trú tại: 40/12 đường Tam Bình, khu phố 2, phường Tam Phú, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn Nguyễn Thụy Bảo K và bị đơn ông Ngô Đức T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 158, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/12/2013, có cơ sở xác định giữa bà Nguyễn Thụy Bảo K và ông Ngô Đức T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nhận thấy, hai bên cùng thừa nhận đời sống hôn nhân không được hạnh phúc như mong muốn, phát sinh nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay. Bị đơn ông Ngô Đức T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà K. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thụy Bảo K và ông Ngô Đức T thuộc trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do vậy yêu cầu của bà Nguyễn Thụy Bảo K được ly hôn với ông Ngô Đức T là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] *Về con chung:* Căn cứ vào bản sao trích lục khai sinh số 437/TLKS-BS, ngày 31/10/2018 tại Ủy ban nhân dân phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, cùng với sự thừa nhận của các bên đương sự. Có cơ sở xác định Bà Nguyễn

Thụy Bảo K và ông Ngô Đức T có 01 người con chung tên Ngô Đức H, sinh ngày 17/8/2005. Xét thấy, yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng của bà K đã được bị đơn ông Ngô Đức T đồng ý, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, yêu cầu nuôi con của bà K có cơ sở chấp nhận.

[3.3] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung:* Bà Nguyễn Thụy Bảo K và ông Ngô Đức T cùng xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí:* Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn Nguyễn Thụy Bảo K phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thụy Bảo K được ly hôn với ông Ngô Đức T.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Ngô Đức H, sinh ngày 17/8/2005 cho bà Nguyễn Thụy Bảo K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án để thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thụy Bảo K về việc không yêu cầu ông Ngô Đức T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung*: Bà Nguyễn Thụy Bảo K và ông Ngô Đức T cùng xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng buộc Bà Nguyễn Thụy Bảo K phải nộp theo quy định, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0020245 ngày 21/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thụy Bảo K đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Thiên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

